

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 90/2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về:

1. Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (sau đây gọi tắt là điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện).
2. Điều kiện của cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện (sau đây gọi tắt là cơ sở điều trị); công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện, đình chỉ việc cung cấp dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện, hủy bỏ hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.
3. Điều kiện bảo đảm cho công tác điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất dạng thuốc phiện là chất có nguồn gốc tự nhiên, tổng hợp và bán tổng hợp có tác dụng giống thuốc phiện.
2. Người nghiện chất dạng thuốc phiện là người sử dụng và bị lệ thuộc vào chất dạng thuốc phiện.

3. Thuốc thay thế là chất hoặc hỗn hợp các chất được tổng hợp có tác dụng thay thế các chất dạng thuốc phiện nằm trong danh mục thuốc gây nghiện theo quy định của pháp luật.

4. Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế là việc sử dụng thuốc thay thế để điều trị cho người nghiện chất dạng thuốc phiện.

5. Liệu điều trị duy trì là liệu thuốc thay thế tương ứng với mỗi người bệnh, bảo đảm an toàn và được sử dụng lâu dài giúp người bệnh giảm hoặc ngừng sử dụng chất dạng thuốc phiện.

### **Điều 3. Áp dụng pháp luật trong điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện**

1. Người nghiện chất dạng thuốc phiện được quyền lựa chọn tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quy định tại Nghị định này hoặc tự nguyện cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo quy định tại Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

2. Không lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện không vi phạm các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà tự nguyện tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện; không lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người đang tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

3. Không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều này đối với người bị chấm dứt điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này mà tiếp tục sử dụng ma túy trái phép.

### **Điều 4. Nguyên tắc điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện**

1. Nghiện chất dạng thuốc phiện là một bệnh mãn tính cần được điều trị lâu dài.

2. Việc điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện chỉ được thực hiện khi người nghiện chất dạng thuốc phiện tự nguyện tham gia điều trị.

3. Việc điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện chỉ được thực hiện tại cơ sở đã công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Việc điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện phải tuân thủ hướng dẫn chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

5. Điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện phải trải qua các giai đoạn: Khởi liệu, điều chỉnh liều hoặc dò liều, điều trị duy trì, giảm liều tiến tới ngừng điều trị.

## **Điều 5. Quản lý thuốc thay thế**

1. Thuốc sử dụng cho điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện phải được lưu hành hợp pháp tại Việt Nam.

2. Thuốc sử dụng cho điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện được quản lý theo quy định về quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và các quy định của pháp luật có liên quan.

## **Chương II ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN**

### **Điều 6. Đối tượng đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện**

1. Người nghiện chất dạng thuốc phiện tự nguyện tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện và cam kết tuân thủ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện. Đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi, chỉ được điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật của người đó.

2. Học viên, phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng nghiện chất dạng thuốc phiện trước khi được đưa vào quản lý trong các cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng tự nguyện tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện và cam kết tuân thủ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện. Đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi, chỉ được điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật của người đó. Phạm nhân tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện được hưởng đầy đủ quyền như những phạm nhân khác.

### **Điều 7. Hồ sơ đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện**

Hồ sơ đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện, gồm:

1. Đơn đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản sao của một trong những giấy tờ sau (chỉ áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này): Chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy khai sinh hoặc hộ khẩu, giấy phép lái xe.

### **Điều 8. Tiếp nhận tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện**

1. Tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng:

a) Người nghiện chất dạng thuốc phiện nộp hồ sơ đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này cho cơ sở điều trị nơi người đó có nhu cầu được điều trị.

b) Ngay sau khi nhận được hồ sơ đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện hợp lệ, người đứng đầu cơ sở điều trị có trách nhiệm:

- Tổ chức khám đánh giá cho người đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện;

- Tiếp nhận trường hợp đủ điều kiện tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không đồng ý tiếp nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Giấy tiếp nhận trường hợp đủ điều kiện tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện được lập thành 02 bản: 01 bản gửi người được điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện hoặc người đại diện theo pháp luật của người được điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong trường hợp người đó từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi; 01 bản lưu hồ sơ điều trị của người được điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại cơ sở điều trị.

2. Tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện khi được đưa vào quản lý trong cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng:

a) Học viên, phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng (sau đây gọi tắt là đối tượng quản lý) nghiện chất dạng thuốc phiện trước khi được đưa vào quản lý trong các cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (sau đây gọi tắt là cơ sở quản lý) nộp hồ sơ đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này cho cơ sở quản lý nơi người đó có nhu cầu được điều trị;

b) Ngay sau khi nhận được hồ sơ đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện hợp lệ, người đứng đầu cơ sở quản lý có trách nhiệm:

- Tổ chức hoặc phối hợp với cơ sở y tế ngoài cộng đồng khám đánh giá cho người đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện;

- Tiếp nhận trường hợp đủ điều kiện tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không đồng ý tiếp nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Giấy tiếp nhận trường hợp đủ điều kiện tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện được lập thành 02 bản: 01 bản gửi người được điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện hoặc người đại diện theo pháp luật của người được điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong trường hợp người đó từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi; 01 bản lưu hồ sơ điều trị của người được điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại cơ sở quản lý.

### **Điều 9. Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện**

1. Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng:

a) Người bệnh nộp đơn chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho người đứng đầu cơ sở điều trị nơi người bệnh đang điều trị;

b) Người đứng đầu cơ sở điều trị có trách nhiệm lập bản tóm tắt bệnh án điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (sau đây gọi tắt là bản tóm tắt bệnh án) theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để cấp cho người bệnh khi người bệnh chuyển đi;

c) Người đứng đầu cơ sở điều trị nơi người bệnh chuyển đến có trách nhiệm tiếp nhận điều trị cho người bệnh. Trường hợp không đồng ý tiếp nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong trường hợp cơ sở điều trị bị đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

a) Ngay khi nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở điều trị có hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn (sau đây gọi tắt là cơ sở điều trị bị đình chỉ), cơ sở điều trị bị đình chỉ có trách nhiệm lập bản tóm tắt bệnh án theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để cấp cho người bệnh;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở điều trị có hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, Sở Y tế nơi cơ sở điều trị bị đình chỉ đặt trụ sở có trách nhiệm chỉ định các cơ sở điều trị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện chuyển tiếp điều trị cho người bệnh của cơ sở điều trị bị đình chỉ;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được chỉ định của Sở Y tế, cơ sở điều trị được chỉ định có trách nhiệm tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người bệnh của cơ sở điều trị bị đình chỉ;

d) Cơ sở điều trị bị đình chỉ có trách nhiệm chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người bệnh về điều trị lại tại cơ sở điều trị sau khi Sở Y tế thực hiện thủ tục công bố lại đối với cơ sở điều trị khi hết thời hạn bị đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này.



3. Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong trường hợp cơ sở điều trị đề nghị hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện:

a) Ngay khi có văn bản đề nghị Sở Y tế hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện, cơ sở điều trị có trách nhiệm lập bản tóm tắt bệnh án theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để cấp cho người bệnh;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện của cơ sở điều trị, Sở Y tế có trách nhiệm chỉ định các cơ sở điều trị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện chuyển tiếp điều trị cho người bệnh của cơ sở điều trị đề nghị hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được chỉ định của Sở Y tế, cơ sở điều trị được chỉ định có trách nhiệm tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người bệnh của cơ sở điều trị đề nghị hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

4. Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý:

a) Người đứng đầu cơ sở quản lý có trách nhiệm lập bản tóm tắt bệnh án theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để cấp cho người bệnh khi người bệnh chuyển đi;

b) Cơ sở quản lý nơi người bệnh chuyển đến có trách nhiệm tiếp nhận điều trị cho người bệnh. Trường hợp không đồng ý tiếp nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý:

a) Người đứng đầu cơ sở quản lý có trách nhiệm lập bản tóm tắt bệnh án theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để cấp cho người bệnh khi người đó trở về cộng đồng;

b) Người đứng đầu cơ sở điều trị ngoài cộng đồng nơi người bệnh đăng ký điều trị có trách nhiệm tiếp nhận điều trị cho người bệnh. Trường hợp không đồng ý tiếp nhận, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **Điều 10. Chấm dứt điều trị đối với người đang tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện**

1. Người đang tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện được chấm dứt điều trị khi có nguyện vọng không tiếp tục tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.



2. Người đang tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bị chấm dứt điều trị khi vi phạm một trong các quy định sau đây:

- a) Không tuân thủ quy trình chuyên môn về điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện từ 02 lần trở lên trong vòng 06 tháng;
- b) Có xét nghiệm dương tính với các chất dạng thuốc phiện liên tiếp từ 02 lần trở lên (trừ thuốc điều trị thay thế) trong vòng 12 tháng sau khi đã đạt liều điều trị duy trì;
- c) Có xét nghiệm dương tính với các chất ma túy khác ngoài các chất dạng thuốc phiện;
- d) Có hành vi xâm hại tài sản của cá nhân, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội.

**Chương III**  
**ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ**  
**NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN, CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN,**  
**ĐÌNH CHỈ VIỆC CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT DẠNG**  
**THUỐC PHIỆN, HỦY BỎ HỒ SƠ CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐIỀU TRỊ**  
**NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN**

**Mục 1**  
**CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN**

**Điều 11. Phân loại cơ sở điều trị**

Cơ sở điều trị gồm:

1. Cơ sở điều trị thay thế là đơn vị điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế cho người nghiện chất dạng thuốc phiện, bao gồm cả việc cấp phát thuốc điều trị thay thế.

2. Cơ sở cấp phát thuốc điều trị thay thế (sau đây gọi tắt là cơ sở cấp phát thuốc) là cơ sở chỉ thực hiện việc cấp phát thuốc thay thế cho người đang tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

**Điều 12. Điều kiện hoạt động của cơ sở điều trị thay thế**

1. Điều kiện về cơ sở vật chất:

a) Có nơi tiếp đón, phòng hành chính, phòng cấp phát và bảo quản thuốc, phòng tư vấn, phòng khám bệnh và phòng xét nghiệm. Các phòng trong cơ sở điều trị thay thế phải có diện tích từ 10 m<sup>2</sup> trở lên;

b) Các phòng của cơ sở điều trị thay thế phải được xây dựng chắc chắn, đủ ánh sáng, có trần chống bụi, tường và nền nhà sử dụng các chất liệu dễ tẩy rửa làm vệ sinh, có cửa sổ chắc chắn, cửa ra vào có khóa;

c) Khu vực thực hiện xét nghiệm sử dụng các vật liệu không thấm nước, chịu được nhiệt và các loại hóa chất ăn mòn; có bồn nước rửa tay, vòi rửa mắt khẩn cấp, hộp sơ cứu;

d) Bảo đảm đủ điện, nước và đáp ứng các điều kiện về quản lý chất thải y tế, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

## 2. Điều kiện về trang thiết bị:

### a) Phòng cấp phát và bảo quản thuốc:

- Âm kế;
- Nhiệt kế đo nhiệt độ phòng;
- Điều hòa nhiệt độ;
- 02 tủ chắc chắn có khóa để đựng thuốc, trong đó: 01 tủ để đựng thuốc cấp phát hàng ngày và 01 tủ để bảo quản thuốc;
- Dụng cụ cấp phát thuốc;
- Tủ hoặc giá đựng hồ sơ, sổ sách, phiếu theo dõi điều trị;
- Thiết bị khử trùng dụng cụ và bệnh phẩm;
- Thiết bị giám sát việc thực hiện điều trị.

### b) Phòng khám bệnh:

- Nhiệt kế đo thân nhiệt;
- Ống nghe;
- Tủ thuốc cấp cứu (trong đó có thuốc giải độc);
- Máy đo huyết áp;
- Bộ trang thiết bị cấp cứu;
- Giường khám bệnh;
- Cân đo sức khỏe - chiều cao;
- Thiết bị khử trùng dụng cụ và bệnh phẩm.

### c) Phòng xét nghiệm:

- Bộ dụng cụ xét nghiệm nước tiểu và lấy máu;
- Tủ lạnh bảo quản sinh phẩm, bệnh phẩm.



d) Nơi lấy nước tiểu của người bệnh:

- Bộ bàn cầu (với đường cấp nước có van đặt ở bên ngoài nơi lấy nước tiểu);
- Vách ngăn dán kính màu một chiều từ bên ngoài để nhân viên của cơ sở điều trị quan sát được quá trình tự lấy mẫu nước tiểu của người bệnh.

3. Điều kiện về nhân sự:

a) Có ít nhất 01 người phụ trách chuyên môn là bác sĩ có giấy chứng nhận đã qua đào tạo, tập huấn về điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện và là người làm việc toàn thời gian tại cơ sở điều trị thay thế;

b) Có ít nhất 01 nhân viên làm nhiệm vụ hỗ trợ công tác khám bệnh, chữa bệnh có trình độ trung cấp chuyên ngành y trở lên;

c) Có ít nhất 02 nhân viên làm nhiệm vụ cấp phát thuốc có trình độ trung cấp chuyên ngành y, dược trở lên. Nhân viên phụ trách kho thuốc phải đáp ứng các điều kiện về chuyên môn theo quy định của pháp luật về dược;

d) Có ít nhất 01 nhân viên làm nhiệm vụ xét nghiệm có trình độ trung cấp thuộc một trong các chuyên ngành y, dược, sinh học hoặc hóa học trở lên;

đ) Có ít nhất 01 nhân viên làm nhiệm vụ tư vấn có trình độ trung cấp thuộc một trong các chuyên ngành y, dược hoặc xã hội trở lên;

e) Có ít nhất 01 nhân viên làm nhiệm vụ hành chính có trình độ trung cấp trở lên;

g) Căn cứ tình hình thực tế, cơ sở điều trị thay thế bố trí nhân viên bảo vệ tại cơ sở nơi đặt cơ sở điều trị hoặc phối hợp với công an nơi cơ sở điều trị đặt trụ sở để bảo đảm công tác an ninh cho cơ sở điều trị; trường hợp cần thiết, có thể bố trí tối đa 02 nhân viên bảo vệ riêng cho cơ sở điều trị;

h) Số lượng nhân viên làm việc toàn thời gian phải đạt tỷ lệ từ 75% trở lên trên tổng số nhân viên của cơ sở điều trị thay thế. Việc bố trí nhân lực thực hiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại cơ sở được thực hiện theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, bảo đảm phù hợp về yêu cầu chuyên môn quy định tại khoản 3 Điều này và quy mô của cơ sở điều trị thay thế.

### **Điều 13. Điều kiện hoạt động của cơ sở cấp phát thuốc**

1. Điều kiện về cơ sở vật chất:

a) Có nơi tiếp đón, phòng cấp phát và bảo quản thuốc. Phòng cấp phát và bảo quản thuốc phải có diện tích từ 10 m<sup>2</sup> trở lên;

b) Phòng cấp phát và bảo quản thuốc được xây dựng chắc chắn, đủ ánh sáng, có trần chống bụi, tường và nền nhà sử dụng các chất liệu dễ tẩy rửa làm vệ sinh, có cửa sổ chắc chắn, cửa ra vào có khóa;

c) Bảo đảm đủ điện, nước và đáp ứng các điều kiện về quản lý chất thải y tế, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

## 2. Điều kiện về trang thiết bị:

Cơ sở cấp phát thuốc phải đáp ứng các điều kiện về trang thiết bị quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

## 3. Điều kiện về nhân sự:

a) Cơ sở cấp phát thuốc phải đáp ứng các điều kiện về nhân sự quy định tại các điểm c và g khoản 3 Điều 12 Nghị định này;

b) Việc bố trí nhân lực thực hiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại cơ sở cấp phát thuốc thực hiện theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, bảo đảm phù hợp về yêu cầu chuyên môn quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và quy mô của cơ sở cấp phát thuốc.

## Mục 2

### **CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN, ĐÌNH CHỈ VIỆC CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN, HỦY BỎ HỒ SƠ CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN**

#### **Điều 14. Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện**

1. Cơ sở điều trị thực hiện việc công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo một trong hai phương thức sau:

a) Gửi bản gốc hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện (sau đây gọi tắt là hồ sơ công bố) về Sở Y tế để công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế;

b) Gửi hồ sơ công bố theo phương thức điện tử về Sở Y tế để công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế. Trường hợp gửi hồ sơ công bố theo phương thức điện tử, cơ sở điều trị có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ công bố và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ công bố.

#### 2. Hồ sơ công bố gồm:

a) Đơn đề nghị công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở;

c) Danh sách nhân sự theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và kèm theo bản sao văn bằng chuyên môn của từng nhân viên;

d) Bản kê khai trang thiết bị của cơ sở điều trị theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Sơ đồ mặt bằng của cơ sở điều trị.

**Điều 15. Thủ tục công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với các cơ sở điều trị lần đầu công bố đủ điều kiện**

1. Thủ tục công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với các cơ sở điều trị nộp bản gốc hồ sơ công bố tại Sở Y tế:

a) Trước khi đi vào hoạt động, cơ sở điều trị đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quy định tại Nghị định này nộp bản gốc hồ sơ công bố tại Sở Y tế nơi cơ sở điều trị đặt trụ sở;

b) Khi tiếp nhận hồ sơ công bố của cơ sở điều trị, Sở Y tế có trách nhiệm cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện (sau đây gọi tắt là Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố) cho cơ sở điều trị theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này, Sở Y tế có văn bản gửi cho cơ sở điều trị đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ công bố;

c) Trường hợp hồ sơ công bố đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ (thời điểm tiếp nhận hồ sơ được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế các thông tin sau: Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ và toàn văn hồ sơ công bố của cơ sở điều trị.

2. Thủ tục công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với các cơ sở điều trị nộp hồ sơ công bố theo phương thức điện tử về Sở Y tế:

a) Trước khi đi vào hoạt động, cơ sở điều trị đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quy định tại Nghị định này gửi hồ sơ công bố (theo định dạng PDF) về hòm thư điện tử của Sở Y tế nơi cơ sở điều trị đặt trụ sở;

b) Khi tiếp nhận hồ sơ công bố của cơ sở điều trị, Sở Y tế có trách nhiệm cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố (theo định dạng PDF) cho cơ sở điều trị qua hòm thư điện tử theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này, Sở Y tế có văn bản (theo định dạng PDF) gửi qua hòm thư điện tử cho cơ sở điều trị đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ công bố;

c) Trường hợp hồ sơ công bố đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố của cơ sở điều trị, Sở Y tế có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế các thông tin sau: Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ và toàn văn hồ sơ công bố của cơ sở điều trị.

**Điều 16. Thủ tục công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có một trong các thay đổi về tên, địa chỉ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự, cơ sở điều trị có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về Sở Y tế nơi đã tiếp nhận và công bố hồ sơ của cơ sở điều trị trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của cơ sở điều trị (thời điểm tiếp nhận văn bản được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật các thông tin thay đổi trong hồ sơ công bố của cơ sở điều trị đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

**Điều 17. Thủ tục công bố lại đối với cơ sở điều trị công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất**

1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện hồ sơ công bố bị mất hoặc bị hư hỏng, cơ sở điều trị có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (theo định dạng PDF) về hòm thư điện tử của Sở Y tế nơi cơ sở điều trị đặt trụ sở.

2. Cơ sở điều trị có trách nhiệm hoàn chỉnh lại hồ sơ công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định này và gửi hồ sơ công bố (theo định dạng PDF) về hòm thư điện tử của Sở Y tế nơi cơ sở điều trị đặt trụ sở trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có văn bản thông báo cho Sở Y tế.

3. Thủ tục công bố lại đối với cơ sở điều trị có hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất đủ điều kiện điều trị nghiệm chất dạng thuốc phiện thực hiện theo quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

**Điều 18. Thủ tục công bố cơ sở điều trị bị đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thủ tục công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị đình chỉ**

1. Thủ tục công bố cơ sở điều trị bị đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở điều trị có hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn (không thuộc các trường hợp phải công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, việc xử phạt đối với tổ chức vi phạm hành chính theo Điều 72 Luật xử lý vi phạm hành chính), Sở Y tế nơi cơ sở điều trị đặt trụ sở có trách nhiệm công bố việc dừng hoạt động có thời hạn của cơ sở điều trị trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, trước ngày hết thời hạn bị đình chỉ theo quyết định xử phạt, cơ sở điều trị bị đình chỉ phải gửi tài liệu về việc chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sau đây gọi tắt là hồ sơ khắc phục vi phạm) về Sở Y tế.

2. Thủ tục công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị đình chỉ:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khắc phục vi phạm của cơ sở điều trị bị đình chỉ (thời điểm tiếp nhận hồ sơ được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế có trách nhiệm công bố lại cho cơ sở điều trị trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế trong trường hợp Sở Y tế đồng ý với hồ sơ khắc phục vi phạm của cơ sở điều trị. Trường hợp không đồng ý, Sở Y tế có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở điều trị và nêu rõ lý do không đồng ý;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo không đồng ý của Sở Y tế, cơ sở điều trị bị đình chỉ phải khắc phục các vi phạm và gửi hồ sơ khắc phục vi phạm về Sở Y tế;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khắc phục vi phạm của cơ sở điều trị bị đình chỉ (thời điểm tiếp nhận hồ sơ khắc phục vi phạm được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế có trách nhiệm xem xét, hủy bỏ quyết định đình chỉ đối với cơ sở điều trị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định đình chỉ hết hiệu lực, trường hợp cơ sở điều trị bị đình chỉ không khắc phục các vi phạm hoặc việc khắc phục các vi phạm không đáp ứng các quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định này, Sở Y tế thực hiện việc hủy hồ sơ công bố của cơ sở điều trị trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế theo quy định tại Điều 21 Nghị định này;

đ) Trường hợp cơ sở điều trị bị xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn trên 12 tháng, Sở Y tế thực hiện việc hủy hồ sơ công bố của cơ sở điều trị trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế theo quy định tại Điều 21 Nghị định này. Sau khi hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính, việc công bố đủ điều kiện điều trị nghiên cứu chất dạng thuốc phiện đối với cơ sở điều trị thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

**Điều 19. Thủ tục đề nghị hủy hồ sơ công bố đối với cơ sở điều trị đề nghị hủy hồ sơ công bố**

1. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày chấm dứt hoạt động, cơ sở điều trị đề nghị hủy hồ sơ công bố có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về Sở Y tế nơi đã công bố hồ sơ của cơ sở điều trị trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của cơ sở điều trị (thời điểm tiếp nhận văn bản được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế thực hiện thủ tục hủy hồ sơ công bố của cơ sở điều trị theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

**Điều 20. Hủy hồ sơ công bố của cơ sở điều trị**

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm d và đ khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 19 Nghị định này, cơ sở điều trị bị hủy hồ sơ công bố trong các trường hợp sau đây:

1. Cơ sở điều trị không triển khai điều trị nghiên cứu chất dạng thuốc phiện sau 12 tháng kể từ ngày hồ sơ công bố của cơ sở điều trị được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

2. Cơ sở điều trị tạm dừng hoạt động trong thời gian 12 tháng liên tục.

**Điều 21. Thủ tục hủy hồ sơ công bố của cơ sở điều trị**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ sở điều trị vi phạm quy định tại các điểm d và đ khoản 2 Điều 18 hoặc cơ sở điều trị đề nghị hủy hồ sơ công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 19 hoặc cơ sở điều trị vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 20 Nghị định này hoặc nhận được kết quả kiểm tra, kết luận thanh tra hoạt động của cơ sở điều trị, Sở Y tế có trách nhiệm:

1. Thông báo bằng văn bản cho cơ sở điều trị về việc hủy bỏ hồ sơ công bố của cơ sở điều trị trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

2. Thực hiện việc hủy hồ sơ công bố của cơ sở điều trị trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.



**Chương IV**  
**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC ĐIỀU TRỊ**  
**NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN**

**Điều 22. Chế độ, chính sách đối với những người tham gia điều trị và người làm công tác điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện**

1. Người tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện được sử dụng thuốc thay thế miễn phí do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí khám sức khỏe, chi phí điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho các đối tượng tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại giam, trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.

3. Ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi phí khám sức khỏe và chi phí điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với các đối tượng sau đây:

- a) Thương binh;
- b) Người bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- c) Người nghèo;
- d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa;
- đ) Trẻ em mồ côi;
- e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

4. Chế độ, chính sách đối với người làm công tác điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện thuộc các cơ sở điều trị công lập:

a) Công chức, viên chức, người lao động trực tiếp làm công việc xét nghiệm, khám và điều trị cho người bệnh tại cơ sở điều trị công lập được hưởng mức phụ cấp bằng 70% mức lương ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có;

b) Công chức, viên chức, người lao động làm công tác hành chính, tư vấn, dược và viên chức, người lao động trực tiếp làm công việc cấp phát thuốc cho người bệnh tại cơ sở điều trị công lập được hưởng mức phụ cấp bằng 30% mức lương ngạch, bậc hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có.

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định khung giá dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện áp dụng trong các cơ sở điều trị công lập sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



**Điều 23. Nguồn tài chính của cơ sở điều trị**

1. Ngân sách nhà nước để thực hiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 22 Nghị định này.
2. Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.
3. Nguồn tài trợ, huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.
4. Các nguồn hợp pháp khác.

**Chương V  
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN****Điều 24. Trách nhiệm của người bệnh**

1. Tôn trọng và không có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng của nhân viên cơ sở điều trị.
2. Cung cấp trung thực thông tin liên quan đến tình trạng sức khỏe của mình, hợp tác đầy đủ với nhân viên của cơ sở điều trị.
3. Chấp hành chỉ định chẩn đoán, điều trị của nhân viên làm công tác khám, chữa bệnh của cơ sở điều trị.
4. Chấp hành và yêu cầu người nhà của mình chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở điều trị.
5. Chi trả chi phí khám, điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện, trừ trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 25. Trách nhiệm của cơ sở điều trị**

1. Chỉ được thực hiện việc điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện sau khi đã công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.
2. Tổ chức điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo hướng dẫn chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.
3. Định kỳ hàng tháng báo cáo danh sách người được điều trị, tình hình điều trị và tuân thủ điều trị của người tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

1. Xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật quản lý hoạt động điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện; kế hoạch phát triển, quy hoạch hệ thống cơ sở điều trị.



2. Chỉ đạo, hướng dẫn, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật hướng dẫn hoạt động điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện; kế hoạch phát triển, quy hoạch hệ thống cơ sở điều trị.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan trong việc đảm bảo nguồn cung ứng thuốc thay thế, việc quản lý, sản xuất, cung ứng, dự trữ thuốc thay thế theo quy định.

4. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

5. Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tổ chức đào tạo, đào tạo liên tục, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

6. Thực hiện hợp tác chuyên gia, chuyển giao phương pháp điều trị mới, các hoạt động hợp tác quốc tế khác về điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

#### **Điều 27. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn các cơ sở thuộc quyền quản lý triển khai điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

2. Định kỳ kiểm tra, thanh tra, báo cáo tình hình triển khai điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các cơ sở thuộc quyền quản lý theo quy định.

#### **Điều 28. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Tổ chức triển khai điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ sở thuộc quyền quản lý triển khai điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

3. Định kỳ kiểm tra, thanh tra, báo cáo tình hình triển khai điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các cơ sở thuộc quyền quản lý theo quy định.

4. Chỉ đạo cơ quan công an các cấp phối hợp với các cơ quan thuộc ngành Y tế và Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp triển khai hoạt động điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại các địa bàn có cơ sở điều trị.

#### **Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan xây dựng dự toán ngân sách, huy động các nguồn đầu tư cho công tác điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

### **Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

Bố trí kinh phí để thực hiện các quy định tại Nghị định này theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước hiện hành.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Thực hiện quản lý nhà nước về điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Căn cứ số lượng người nghiện chất dạng thuốc phiện và ngân sách của địa phương chỉ đạo việc tổ chức cung cấp dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quy định sau:

a) Huyện có từ 250 người nghiện chất dạng thuốc phiện trở lên phải triển khai điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện;

b) Huyện có ít hơn 250 người nghiện chất dạng thuốc phiện, căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc triển khai điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

3. Ưu tiên bố trí, sắp xếp nhân sự, bảo đảm kinh phí cho việc xây dựng cơ sở vật chất, chi phí hoạt động của các cơ sở điều trị trực thuộc địa phương (phần chưa kết cấu vào giá dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện) theo quy định.

4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện thuộc thẩm quyền quản lý.

## **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 32. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 và thay thế Nghị định số 96/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

### **Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp**

Các cơ sở điều trị đã được cấp giấy phép hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải thực hiện việc công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định tại Nghị định này trước ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Tổng GD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). *125*

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



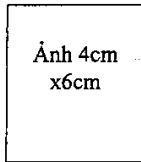
**Phụ lục**

*(Ban hành theo Nghị định số 90/2016/NĐ-CP*

*ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Đơn đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
Mẫu số 02	Giấy tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện
Mẫu số 03	Đơn đề nghị chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
Mẫu số 04	Bản tóm tắt bệnh án điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
Mẫu số 05	Đơn đề nghị công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
Mẫu số 06	Danh sách nhân sự làm việc tại cơ sở điều trị
Mẫu số 07	Bản kê khai trang thiết bị của cơ sở điều trị
Mẫu số 08	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**  
**Tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế**

Kính gửi: .....<sup>1</sup>.....

Tên tôi là: .....Giới tính:.....

Sinh ngày: ....., tại.....

Nơi đăng ký thường trú/nơi ở hiện tại: .....<sup>2</sup>.....

Số CMND/hộ chiếu/hộ khẩu/giấy phép lái xe....., cấp ngày: ...../...../.....  
tại:.....

Qua tìm hiểu các điều kiện và quy định liên quan, tôi làm đơn này xin tự nguyện đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế. Tôi cam kết nghiêm túc tuân thủ phác đồ điều trị và nội quy của cơ sở điều trị.

Trân trọng cảm ơn./.

**Đại diện của người làm đơn**

Tôi tên là .....<sup>3</sup>..... số CMND/hộ  
chiếu/hộ khẩu/giấy phép lái xe, cấp  
ngày....tháng.....năm..... tại.....<sup>4</sup>.....là  
người đại diện theo pháp luật của  
.....<sup>5</sup>..... đồng ý cho .....<sup>6</sup>.....  
..... tham gia điều trị nghiện chất dạng  
thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại  
.....<sup>7</sup>.....

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....<sup>8</sup>....., ngày .... tháng..... năm 20.....

**Người làm đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Tên cơ sở điều trị hoặc cơ sở quản lý

<sup>2</sup> Ghi rõ nơi đăng ký thường trú hoặc nơi ở hiện tại của người làm đơn

<sup>3</sup> Ghi rõ họ, tên của người đại diện theo pháp luật của người làm đơn từ đủ 6 tuổi trở lên đến chưa đủ 15 tuổi

<sup>4</sup> Ghi rõ địa danh nơi cấp số CMND/hộ chiếu/hộ khẩu/giấy phép lái xe

<sup>5</sup> Ghi rõ họ, tên của người đăng ký tham gia điều trị

<sup>6</sup> Như mục 5

<sup>7</sup> Như mục 1

<sup>8</sup> Địa danh

<p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></p> <p>.....<sup>1</sup>....., ngày ..... tháng..... năm 20.....</p> <p><b>GIẤY TIẾP NHẬN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN</b></p> <p>Cơ sở: .....<sup>2</sup>.....</p> <p>Địa chỉ: .....<sup>3</sup>.....</p> <p>Quyết định tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho:</p> <p>Họ và tên: .....<sup>4</sup>.....</p> <p>Ngày sinh: .....<sup>5</sup>.....</p> <p>Địa chỉ: .....<sup>6</sup>.....</p> <p>Ngày bắt đầu điều trị: .....<sup>7</sup>.....</p> <p>Người phụ trách chuyên môn                      <b>THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ</b> (Ký, ghi rõ họ, tên)                                      (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)</p> <p>(Liên 1: Cơ sở điều trị, cơ sở quản lý lưu hồ sơ điều trị)</p>	<p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></p> <p>.....<sup>1</sup>....., ngày ..... tháng..... năm 20.....</p> <p><b>GIẤY TIẾP NHẬN ĐIỀU TRỊ NGHIỆN CHẤT DẠNG THUỐC PHIỆN</b></p> <p>Cơ sở: .....<sup>2</sup>.....</p> <p>Địa chỉ: .....<sup>3</sup>.....</p> <p>Quyết định tiếp nhận điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho:</p> <p>Họ và tên: .....<sup>4</sup>.....</p> <p>Ngày sinh: .....<sup>5</sup>.....</p> <p>Địa chỉ: .....<sup>6</sup>.....</p> <p>Ngày bắt đầu điều trị: .....<sup>7</sup>.....</p> <p>Người phụ trách chuyên môn                      <b>THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ</b> (Ký, ghi rõ họ, tên)                                      (Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)</p> <p>(Liên 2: Người bệnh lưu)</p>
---	---

<sup>1</sup> Địa danh<sup>2</sup> Ghi rõ tên cơ sở điều trị hoặc cơ sở quản lý<sup>3</sup> Ghi rõ địa chỉ của cơ sở điều trị hoặc cơ sở quản lý<sup>4</sup> Ghi rõ họ và tên của người bệnh theo thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện, trong hồ sơ của đối tượng quản lý<sup>5</sup> Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh của người bệnh theo thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện, trong hồ sơ của đối tượng quản lý<sup>6</sup> Ghi rõ địa chỉ nơi ở thường trú/nơi ở hiện tại của người bệnh theo thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện, trong hồ sơ của đối tượng quản lý<sup>7</sup> Ghi rõ ngày, tháng, năm sẽ khởi đầu điều trị cho người bệnh

Ảnh 4cm  
x6cm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Chuyển tiếp điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế**

Kính gửi: .....<sup>1</sup>.....

1. Họ và tên: .....

2. Ngày sinh: .....

3. Số CMND/hộ chiếu/hộ khẩu/giấy phép lái xe....., cấp ngày: ...../...../.....

tại:.....

4. Tên cơ sở điều trị chuyển đến: .....<sup>2</sup>.....

5. Thời gian chuyển: .....<sup>3</sup>.....

6. Địa chỉ của cơ sở điều trị chuyển đến: .....<sup>4</sup>.....

Tôi làm đơn này đề nghị cơ sở điều trị giới thiệu và làm các thủ tục cần thiết để giúp tôi được tiếp tục điều trị tại cơ sở điều trị có tên và địa chỉ trên đây.

Trân trọng cảm ơn./.

.....<sup>5</sup>....., ngày .... tháng..... năm 20.....

**Người làm đơn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Tên của cơ sở điều trị nơi người bệnh đang điều trị

<sup>2</sup> Tên của cơ sở điều trị nơi người bệnh muốn chuyển đến

<sup>3</sup> Ghi rõ thời gian chuyển tiếp điều trị tại cơ sở điều trị nơi đến

<sup>4</sup> Ghi rõ địa chỉ của cơ sở điều trị người bệnh muốn chuyển đến

<sup>5</sup> Địa danh

Mẫu số 04

.....<sup>1</sup>.....  
\_\_\_\_\_CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PC

.....<sup>2</sup>....., ngày .... tháng .....năm 20....**BẢN TÓM TẮT BỆNH ÁN**  
**Điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế**Kính gửi: .....<sup>3</sup>.....Tên cơ sở giới thiệu: .....<sup>1</sup>.....Địa chỉ: .....<sup>4</sup>.....

Điện thoại: ..... Email (nếu có): .....

Giới thiệu cho:

1. Họ và tên: .....<sup>5</sup>.....2. Ngày sinh: .....<sup>6</sup>.....

3. Số CMND/hộ chiếu/hộ khẩu/giấy phép lái xe....., cấp ngày: ...../...../.....

tại:.....

4. Địa chỉ: .....<sup>7</sup>.....

5. Thông tin về tình hình điều trị của người bệnh:

- Ngày bắt đầu điều trị:...../...../..... Ngày kết thúc: ...../...../.....

- Liều điều trị hiện tại:..... mg/ngày.

6. ....<sup>8</sup>..........  
.....  
.....**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)<sup>1</sup> Tên cơ sở điều trị hoặc cơ sở quản lý giới thiệu người bệnh chuyển tiếp điều trị<sup>2</sup> Địa danh<sup>3</sup> Tên cơ sở điều trị, cơ sở quản lý nơi người bệnh chuyển đến<sup>4</sup> Ghi rõ địa chỉ của cơ sở điều trị, cơ sở quản lý giới thiệu người bệnh chuyển tiếp điều trị<sup>5</sup> Ghi rõ họ và tên của người bệnh được chuyển tiếp điều trị<sup>6</sup> Ghi rõ ngày tháng năm sinh của người bệnh được chuyển tiếp điều trị<sup>7</sup> Ghi rõ địa chỉ nơi ở thường trú/nơi ở hiện tại của của người bệnh trong hồ sơ đăng ký điều trị, trong hồ sơ quản lý<sup>8</sup> Tóm tắt về quá trình điều trị của người bệnh và những thông tin cần thiết để cơ sở điều trị, cơ sở quản lý nơi người bệnh chuyển đến có thể sử dụng để tiếp tục điều trị cho người bệnh (nếu có)

Mẫu số 05

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....<sup>1</sup> ....., ngày ..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế**

Kính gửi: Sở Y tế .....<sup>2</sup> .....

Tên: .....<sup>3</sup> .....

Địa điểm: .....<sup>4</sup> .....; Điện thoại/fax: .....

Căn cứ Nghị định số .../2016/NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, chúng tôi đề nghị Sở Y tế công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với cơ sở.....<sup>3</sup> .....

Chúng tôi xin gửi kèm theo Đơn này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1	Bản sao quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác	<input type="checkbox"/>
2	Danh sách nhân sự của cơ sở điều trị kèm theo bản sao văn bằng chuyên môn của từng nhân viên thuộc cơ sở điều trị	<input type="checkbox"/>
3	Bản kê khai trang thiết bị của cơ sở điều trị	<input type="checkbox"/>
4	Sơ đồ mặt bằng của cơ sở điều trị	<input type="checkbox"/>

Cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện xin cam kết:

1. Đã kiểm tra, ký đóng dấu vào những phần liên quan ở tất cả các giấy tờ nộp trong hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện này và xác nhận là đây là các giấy tờ hợp pháp, nội dung là đúng sự thật. Nếu có sự giả mạo, không đúng sự thật cơ sở xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Đáp ứng đủ yêu cầu, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự thực hiện việc điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quy định.

3. Thông báo cho Sở Y tế.....<sup>2</sup> ..... khi có bất cứ thay đổi nào đối với hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Địa danh

<sup>2</sup> Tên Sở Y tế tỉnh

<sup>3</sup> Ghi rõ tên của cơ sở đề nghị công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện

<sup>4</sup> Ghi rõ địa chỉ cụ thể của cơ sở đề nghị công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....<sup>1</sup>....., ngày ..... tháng..... năm 20.....

**DANH SÁCH NHÂN SỰ LÀM VIỆC TẠI CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ**

TT	Họ và tên	Vị trí việc làm	Chế độ làm việc <sup>(2)</sup>	Các giấy tờ kèm theo	Ghi chú
1.	.....	Bác sỹ phụ trách chuyên môn kỹ thuật		1. Bản sao bằng tốt nghiệp bác sỹ. 2. Bản sao chứng nhận đã qua đào tạo, tập huấn về điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện.	
2.	.....	Nhân viên hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh		Bản sao bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành y trở lên.	
3.	.....	Nhân viên tư vấn		Bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp y hoặc trung cấp dược hoặc trung cấp xã hội trở lên.	
4.	.....	Nhân viên cấp phát thuốc		Bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp y hoặc trung cấp dược trở lên.	
5.	.....	Nhân viên bảo quản thuốc		Bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp dược trở lên.	
6.	.....	Nhân viên xét nghiệm		Bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp y, dược, sinh học, hóa học trở lên.	
7.	.....	Nhân viên hành chính		Bản sao bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên.	
8.	.....	Nhân viên bảo vệ		Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.	

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

<sup>1</sup> Địa danh

<sup>2</sup> Ghi rõ làm việc toàn thời gian hay kiêm nhiệm



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....<sup>1</sup>....., ngày ..... tháng..... năm 20.....

**BẢN KÊ KHAI TRANG THIẾT BỊ CỦA CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ**

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng	Ghi chú

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

<sup>1</sup> Địa danh

Mẫu số 08

SỞ Y TẾ.....<sup>1</sup>.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /PTN-...<sup>2</sup>........<sup>3</sup>....., ngày.....tháng.....năm 20.....**PHIẾU TIẾP NHẬN****Hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện**Họ và tên:.....<sup>4</sup>.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....<sup>5</sup>.....Đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện của.....<sup>6</sup>....., bao gồm:

1	Bản sao quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác	<input type="checkbox"/>
2	Danh sách nhân sự của cơ sở điều trị kèm theo bản sao văn bằng chuyên môn của từng nhân viên thuộc cơ sở điều trị	<input type="checkbox"/>
3	Bản kê khai trang thiết bị của cơ sở điều trị	<input type="checkbox"/>
4	Sơ đồ mặt bằng của cơ sở điều trị	<input type="checkbox"/>

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ và tên)

Tiếp nhận hồ sơ bổ sung lần:	ngày	tháng	năm	Ký nhận
Tiếp nhận hồ sơ bổ sung lần:	ngày	tháng	năm	Ký nhận
Tiếp nhận hồ sơ bổ sung lần:	ngày	tháng	năm	Ký nhận

<sup>1</sup> Tên Sở Y tế tỉnh<sup>2</sup> Chữ viết tắt tên Sở Y tế tỉnh<sup>3</sup> Địa danh<sup>4</sup> Ghi rõ họ và tên của cán bộ tiếp nhận hồ sơ công bố của cơ sở điều trị<sup>5</sup> Ghi rõ tên Phòng/đơn vị nơi cán bộ tiếp nhận hồ sơ công bố của cơ sở đang công tác<sup>6</sup> Ghi rõ tên của cơ sở đề nghị Sở Y tế công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện

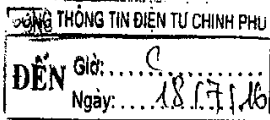
TTAT (2)

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **88/2016/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016



**NGHỊ ĐỊNH**

**Về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;  
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;  
Chính phủ ban hành Nghị định về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện thông qua việc hình thành quỹ hưu trí từ sự đóng góp tự nguyện của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động dưới hình thức tài khoản hưu trí cá nhân; việc quản lý, đầu tư, chi trả và giám sát quỹ hưu trí.

2. Nghị định này không điều chỉnh các hoạt động sau:

a) Hoạt động của các quỹ thuộc phạm vi quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

b) Hoạt động cung cấp sản phẩm bảo hiểm hưu trí của các doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người lao động và người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

2. Cá nhân đủ 15 tuổi trở lên, không làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

3. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.

4. Các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ liên quan tới việc thiết lập, hoạt động, quản lý, giám sát quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định này.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.

### **Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

Trong Nghị định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người tham gia quỹ là người lao động, cá nhân theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Nghị định này, có tài khoản hưu trí cá nhân tại quỹ hưu trí.

2. Chương trình hưu trí là tên viết tắt của chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, là chính sách bảo hiểm xã hội mang tính chất tự nguyện nhằm mục tiêu bổ sung thu nhập cho người tham gia quỹ khi đến tuổi về hưu dưới hình thức tài khoản hưu trí cá nhân, được đầu tư và tích lũy theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ hưu trí là tên viết tắt của quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động.

4. Tài khoản hưu trí cá nhân là tài khoản được cấp cho người tham gia quỹ, được quản lý bởi các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

5. Tài sản quỹ hưu trí là tập hợp số dư của các tài khoản hưu trí cá nhân của người lao động tham gia cùng một chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, được hình thành từ sự đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động.

6. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí là doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.

7. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh là tên rút gọn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Điều 37 Nghị định này.

8. Dịch vụ quản lý quỹ hưu trí là dịch vụ quản lý các tài khoản hưu trí cá nhân theo ủy quyền của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động.

9. Tổ chức lưu ký là tổ chức được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí lựa chọn để thực hiện lưu ký tài sản quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

10. Ngân hàng giám sát là tổ chức được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí lựa chọn để thực hiện giám sát hoạt động quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

11. Tuổi nghỉ hưu là độ tuổi nghỉ hưu của người lao động quy định tại Bộ luật lao động.

#### **Điều 4. Nguyên tắc của chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện**

1. Việc tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện của người lao động và cá nhân, người sử dụng lao động (đóng góp cho người lao động) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

2. Khoản đóng góp của người tham gia quỹ bao gồm cả khoản đóng góp của người sử dụng lao động (nếu có) được quản lý theo từng tài khoản hưu trí cá nhân.

3. Người tham gia quỹ có quyền sở hữu đối với tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí nhận ủy thác đầu tư tài sản quỹ hưu trí. Tài sản quỹ hưu trí phải được quản lý tách biệt với tài sản của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức lưu ký, người sử dụng lao động và các tài sản quỹ hưu trí khác được quản lý bởi cùng một doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

4. Hoạt động quản lý quỹ hưu trí thực hiện theo nguyên tắc công khai và minh bạch.

5. Quỹ hưu trí phải đảm bảo đầu tư theo đúng quy định tại Nghị định này và điều lệ quỹ hưu trí.

6. Mức chi trả hưu trí được xác định trên cơ sở số dư tài khoản hưu trí cá nhân tại thời điểm chi trả theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

#### **Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện**

1. Nhà nước khuyến khích phát triển chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện thông qua các chính sách ưu đãi quy định tại pháp luật về thuế.

2. Nhà nước quản lý, giám sát việc thực hiện chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, quản lý, giám sát hoạt động của quỹ hưu trí thông qua việc ban hành chính sách, chế độ đảm bảo quỹ hưu trí hoạt động công khai, minh bạch bảo vệ quyền và lợi ích của các đối tượng tham gia đóng góp quỹ.



3. Nhà nước không đảm bảo về kết quả đầu tư và mức chi trả của quỹ hưu trí.

## **Chương II** **THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN,** **THIẾT LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ HƯU TRÍ**

### **Mục 1** **THAM GIA ĐÓNG GÓP CHƯƠNG TRÌNH HƯU TRÍ**

#### **Điều 6. Đối tượng tham gia đóng góp**

1. Người sử dụng lao động đóng góp cho người lao động theo quy định của Bộ luật lao động.
2. Người lao động theo quy định của Bộ luật lao động.
3. Cá nhân đủ 15 tuổi trở lên, không làm việc theo hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.

#### **Điều 7. Phương thức tham gia đóng góp**

1. Tham gia đóng góp chương trình hưu trí thông qua người sử dụng lao động, bao gồm:
  - a) Người sử dụng lao động đóng góp vào quỹ hưu trí cho người lao động của doanh nghiệp mình trên cơ sở yêu cầu quản lý lao động và khả năng tài chính, không có sự đóng góp của người lao động;
  - b) Người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng góp vào quỹ hưu trí theo văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động.
2. Tham gia đóng góp trực tiếp chương trình hưu trí, bao gồm:
  - a) Người lao động đóng góp hoàn toàn vào quỹ hưu trí, không có sự đóng góp của người sử dụng lao động;
  - b) Cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này đóng góp vào quỹ hưu trí.

#### **Điều 8. Tham gia đóng góp thông qua người sử dụng lao động**

1. Căn cứ vào yêu cầu quản lý lao động và khả năng tài chính, người sử dụng lao động có thể xây dựng chương trình hưu trí và thực hiện đóng góp vào quỹ hưu trí cho người lao động của doanh nghiệp mình theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.



2. Quy trình tham gia đóng góp chương trình hưu trí thông qua người sử dụng lao động như sau:

a) Người sử dụng lao động thông báo cho người lao động về chương trình hưu trí.

b) Người sử dụng lao động ký thỏa thuận bằng văn bản với người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Văn bản thỏa thuận về việc tham gia chương trình hưu trí bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Tên chương trình hưu trí người lao động lựa chọn tham gia;
- Nội dung cơ bản của chương trình hưu trí;
- Thời gian bắt đầu tham gia chương trình hưu trí;
- Mức đóng góp, tần suất và thời gian đóng góp của người sử dụng lao động;
- Mức đóng góp, tần suất, thời gian và phương thức đóng góp của người lao động (trong trường hợp người lao động cùng tham gia đóng góp với người sử dụng lao động);
- Quyền và nghĩa vụ của người lao động khi tham gia quỹ hưu trí, trong đó bao gồm điều kiện được hưởng khoản đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư từ khoản đóng góp này;
- Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi tham gia đóng góp cho người lao động, trong đó bao gồm điều kiện người sử dụng lao động được nhận lại khoản đóng góp của mình cho người lao động và kết quả đầu tư từ khoản đóng góp này;
- Quy trình thay đổi các nội dung tại văn bản thỏa thuận (nếu có);
- Các trường hợp ngừng và tạm ngừng tham gia chương trình hưu trí.

c) Người sử dụng lao động ký hợp đồng tham gia chương trình hưu trí với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí. Nội dung hợp đồng tham gia quỹ hưu trí thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

d) Căn cứ vào hợp đồng tham gia chương trình hưu trí và văn bản thỏa thuận với người lao động, người sử dụng lao động thực hiện chuyển tiền đóng góp vào quỹ hưu trí đối với phần trách nhiệm đóng góp của mình và phần người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ (nếu có) đồng thời thông báo cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức lưu ký và ngân hàng giám sát về số tiền đóng góp vào mỗi tài khoản hưu trí cá nhân.

3. Khoản tiền đóng góp vào mỗi tài khoản hưu trí cá nhân của người tham gia quỹ bao gồm:

- a) Khoản tiền đóng góp của người sử dụng lao động cho người lao động theo văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động;
- b) Khoản tiền đóng góp của người lao động (nếu có) theo văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động.

4. Việc ngừng hoặc tạm ngừng tham gia chương trình hưu trí của người lao động và người sử dụng lao động thực hiện theo văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và hợp đồng tham gia quỹ hưu trí quy định tại Điều 19 Nghị định này.

### **Điều 9. Tham gia đóng góp trực tiếp chương trình hưu trí**

- 1. Người lao động, cá nhân tham gia đóng góp trực tiếp chương trình hưu trí theo phương thức quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.
- 2. Người lao động, cá nhân tự lựa chọn chương trình hưu trí và phương thức đóng góp, thực hiện ký hợp đồng với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo mẫu hợp đồng quy định tại Điều 19 Nghị định này.
- 3. Người lao động, cá nhân thực hiện chuyển tiền đóng góp của mình vào quỹ hưu trí theo các điều khoản tại hợp đồng tham gia chương trình hưu trí.
- 4. Người lao động, cá nhân đổi chiếu thông tin cập nhật do doanh nghiệp quản lý quỹ, tổ chức lưu ký và ngân hàng giám sát cung cấp định kỳ về giá trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Nghị định này.
- 5. Người lao động, cá nhân ngừng hoặc tạm ngừng tham gia chương trình hưu trí theo hợp đồng tham gia quỹ quy định tại Điều 19 Nghị định này.

### **Điều 10. Quyền và trách nhiệm của người sử dụng lao động**

- 1. Quyền của người sử dụng lao động tham gia chương trình hưu trí:
  - a) Được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản đóng góp của người sử dụng lao động vào quỹ hưu trí cho người lao động theo quy định của pháp luật về thuế;
  - b) Quyết định mức và thời điểm đóng góp, điều chỉnh tăng, giảm, ngừng hoặc tạm ngừng đóng góp theo quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí;
  - c) Lựa chọn, thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo điều khoản quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí;

d) Được nhận lại phần đóng góp của mình cho người lao động và kết quả đầu tư từ phần đóng góp này sau khi trừ đi các chi phí liên quan trong trường hợp người lao động không đáp ứng các điều kiện tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

2. Trách nhiệm của người sử dụng lao động tham gia chương trình hưu trí:

a) Đóng góp vào quỹ hưu trí phần trách nhiệm đóng góp của mình theo đúng quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí;

b) Đóng góp vào quỹ hưu trí phần người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ theo thời hạn quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí (nếu có);

c) Đảm bảo tách biệt phần trách nhiệm đóng góp của người sử dụng lao động và phần người lao động ủy thác cho người sử dụng lao động đóng hộ (nếu có);

d) Thực hiện quy trình thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo các điều khoản tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí;

đ) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí, điều lệ quỹ và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

## **Điều 11. Quyền và trách nhiệm của người lao động**

1. Quyền của người lao động tham gia chương trình hưu trí:

a) Được tham gia và hưởng toàn bộ quyền lợi từ chương trình hưu trí theo quy định của Nghị định này;

b) Được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập cá nhân đối với khoản đóng góp vào quỹ hưu trí theo mức quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;

c) Quyết định mức và thời điểm đóng góp, điều chỉnh tăng, giảm, ngừng hoặc tạm ngừng đóng góp theo quy định tại hợp đồng tham gia chương trình hưu trí;

d) Lựa chọn, thay đổi chương trình hưu trí được quản lý bởi cùng 01 doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí đối với người lao động tham gia chương trình hưu trí thông qua người sử dụng lao động hoặc lựa chọn, thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí đối với người lao động trực tiếp tham gia chương trình hưu trí;

đ) Được cấp tài khoản hưu trí cá nhân, được quyền truy cập thông tin về tài khoản hưu trí cá nhân của mình; được chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang doanh nghiệp quản lý quỹ khác khi thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ;

e) Nhận chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Nghị định này;

g) Được bảo mật thông tin hưu trí cá nhân, thông tin về tài khoản hưu trí cá nhân;

h) Được chuyển từ hình thức tham gia quỹ hưu trí thông qua người sử dụng lao động sang hình thức trực tiếp tham gia quỹ hưu trí;

i) Trường hợp thay đổi việc làm:

- Được tiếp tục duy trì tài khoản hưu trí cá nhân tại doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí tại nơi làm việc cũ theo hình thức trực tiếp tham gia chương trình hưu trí; hoặc

- Chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí tại nơi làm việc mới.

2. Trách nhiệm của người lao động tham gia chương trình hưu trí:

a) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều lệ quỹ và hợp đồng tham gia chương trình hưu trí;

b) Tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

## **Điều 12. Quyền và trách nhiệm của cá nhân tham gia chương trình hưu trí**

1. Quyền của cá nhân tham gia chương trình hưu trí:

a) Các quyền như đối với người lao động tham gia chương trình hưu trí quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 1 Điều 11 Nghị định này;

b) Được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập cá nhân đối với khoản đóng góp vào quỹ hưu trí theo mức quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân nếu đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (bao gồm cả trường hợp đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội) theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội;

c) Được chuyển từ hình thức tham gia trực tiếp chương trình hưu trí sang hình thức tham gia thông qua người sử dụng lao động.

2. Cá nhân tham gia chương trình hưu trí có trách nhiệm như người lao động tham gia chương trình hưu trí quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

## **Mục 2** **THIẾT LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ HƯU TRÍ**

### **Điều 13. Thiết lập quỹ hưu trí**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại Nghị định này được thiết lập quỹ hưu trí theo các quy định tại Nghị định này.

2. Căn cứ vào nhu cầu của người tham gia quỹ và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí tự quyết định về số lượng quỹ hưu trí và mục tiêu đầu tư quỹ hưu trí phù hợp với quy định tại Điều 20 Nghị định này.

3. Đối với mỗi quỹ được thành lập, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải:

a) Xây dựng và ban hành điều lệ quỹ hưu trí. Điều lệ quỹ hưu trí do doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí quyết định trên cơ sở đảm bảo các nội dung cơ bản quy định tại Điều 14 Nghị định này;

b) Lựa chọn và ký hợp đồng với 01 tổ chức lưu ký để thực hiện lưu ký tài sản quỹ hưu trí và các nghĩa vụ quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Lựa chọn và ký hợp đồng với 01 ngân hàng giám sát để thực hiện giám sát hoạt động quản lý quỹ hưu trí và các nghĩa vụ quy định tại Điều 16 Nghị định này.

### **Điều 14. Điều lệ quỹ hưu trí**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải ban hành điều lệ để thiết lập quỹ hưu trí bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tên quỹ hưu trí;

b) Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

c) Tổ chức lưu ký;

d) Ngân hàng giám sát;

đ) Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có);

e) Mục tiêu, chính sách đầu tư của quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 20 Nghị định này và quy trình, thủ tục thay đổi chính sách đầu tư (nếu có);

g) Quyền và nghĩa vụ của người tham gia quỹ, người sử dụng lao động, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có);

h) Điều khoản về chuyển tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ hưu trí được quản lý bởi cùng một doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

i) Điều khoản về thay đổi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

k) Lựa chọn và thay đổi tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có);

l) Nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động của quỹ hưu trí cho từng tài khoản hưu trí cá nhân;

m) Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí và của mỗi tài khoản hưu trí cá nhân;

n) Quy chế giải quyết tranh chấp;

o) Các trường hợp đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ;

p) Chế độ thông tin báo cáo;

q) Giải thể quỹ hưu trí;

r) Cam kết của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có) về việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điều lệ quỹ;

s) Thể thức tiến hành sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ hưu trí.

2. Điều lệ quỹ hưu trí phải được trình bày rõ ràng, dễ hiểu và công bố trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

### **Điều 15. Tổ chức lưu ký**

1. Tổ chức lưu ký tài sản quỹ hưu trí phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là ngân hàng lưu ký theo quy định của Luật chứng khoán hoặc là Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;

b) Không là người có liên quan với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí ký hợp đồng lưu ký tài sản mỗi quỹ hưu trí với 01 tổ chức lưu ký đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Hợp đồng giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí với tổ chức lưu ký phải bao gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Quyền và trách nhiệm của tổ chức lưu ký và doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

b) Phí lưu ký;

c) Các trường hợp tổ chức lưu ký phải đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này.

3. Tổ chức lưu ký được nhận phí lưu ký theo hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí với tổ chức lưu ký.

4. Tổ chức lưu ký có các nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng lưu ký tài sản quỹ hưu trí nhưng phải đảm bảo những nghĩa vụ cơ bản sau:

a) Thực hiện lưu ký tài sản quỹ hưu trí theo hợp đồng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

b) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán, chuyển giao tiền, chứng khoán theo yêu cầu của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

c) Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ, thực hiện các thủ tục thanh, quyết toán thuế đối với quỹ;

d) Đảm bảo tách biệt tài sản của quỹ hưu trí với tài sản của người sử dụng lao động, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các quỹ hưu trí khác được quản lý bởi cùng một doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

đ) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, ngân hàng giám sát, các tổ chức cung cấp dịch vụ (nếu có) để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định này và điều lệ quỹ.

5. Tài sản của quỹ hưu trí được lưu ký tại tổ chức lưu ký là tài sản thuộc sở hữu của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động. Tổ chức lưu ký không được sử dụng tài sản của quỹ hưu trí để thanh toán, bảo lãnh thanh toán cho các khoản nợ của mình hoặc cho bên thứ ba.

#### **Điều 16. Ngân hàng giám sát**

1. Ngân hàng giám sát quỹ hưu trí phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

b) Có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các nghĩa vụ của ngân hàng giám sát quy định tại khoản 4 Điều này;





c) Không là người có liên quan với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí ký hợp đồng giám sát quỹ hưu trí với 01 ngân hàng giám sát đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này. Hợp đồng giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí với ngân hàng giám sát bao gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Quyền và trách nhiệm của ngân hàng giám sát, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, người tham gia quỹ, người sử dụng lao động;

b) Phí giám sát quỹ hưu trí của ngân hàng giám sát;

c) Các trường hợp ngân hàng giám sát phải đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này.

3. Ngân hàng giám sát có các quyền theo quy định tại hợp đồng giám sát hoạt động quản lý quỹ hưu trí nhưng phải đảm bảo các quyền cơ bản sau:

a) Được nhận phí giám sát theo hợp đồng giám sát ký kết giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí với ngân hàng giám sát;

b) Yêu cầu các tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký tài sản quỹ hưu trí, kế toán quỹ hưu trí, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân cung cấp thông tin và tài liệu để ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ giám sát theo quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Kiểm tra doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, tổ chức cung cấp các dịch vụ kế toán quỹ hưu trí và quản trị tài khoản hưu trí cá nhân về việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định này, điều lệ quỹ, hợp đồng tham gia quỹ hưu trí, hợp đồng cung cấp các dịch vụ về kế toán quỹ hưu trí và quản trị tài khoản hưu trí cá nhân.

4. Ngân hàng giám sát có các nghĩa vụ theo quy định tại hợp đồng giám sát hoạt động quản lý quỹ hưu trí nhưng phải đảm bảo các nghĩa vụ cơ bản sau:

a) Kiểm tra và giám sát doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và các tổ chức cung cấp dịch vụ về việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định này, điều lệ quỹ, hợp đồng tham gia quỹ hưu trí, hợp đồng cung cấp các dịch vụ liên quan;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, các giao dịch của quỹ hưu trí và tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Nghị định này và điều lệ quỹ hưu trí;

c) Định kỳ 06 tháng rà soát quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí;



d) Định kỳ 06 tháng rà soát quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư, xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân;

đ) Lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với hoạt động quản lý;

e) Không được cung cấp dịch vụ lưu ký tài sản quỹ hưu trí, kế toán quỹ hưu trí, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân cho quỹ hưu trí đang ký hợp đồng giám sát;

g) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

### **Điều 17. Đại lý hưu trí**

1. Đại lý hưu trí là tổ chức được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí ủy quyền thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Giới thiệu về quỹ hưu trí;

b) Ký hợp đồng tham gia quỹ hưu trí với người tham gia quỹ và người sử dụng lao động.

2. Đại lý hưu trí là doanh nghiệp được phép hoạt động một trong các lĩnh vực sau: Ngân hàng, đại lý bảo hiểm, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

### **Điều 18. Tài khoản hưu trí cá nhân**

1. Mỗi cá nhân có thể có một hoặc nhiều tài khoản hưu trí cá nhân tại một thời điểm được quản lý bởi các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác nhau.

2. Tài khoản hưu trí cá nhân được sử dụng để:

a) Tiếp nhận khoản đóng góp của người tham gia quỹ và của người sử dụng lao động (nếu có);

b) Tiếp nhận kết quả đầu tư sau khi trừ đi chi phí hoạt động của quỹ hưu trí và phân bổ cho từng tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại điều lệ quỹ;

c) Thanh toán các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Chi trả cho người tham gia quỹ và người sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định này.

3. Quyền sở hữu tài khoản hưu trí cá nhân:

a) Người tham gia quỹ được sở hữu khoản đóng góp của mình và kết quả đầu tư sau khi trừ đi chi phí hoạt động của quỹ hưu trí được phân bổ cho từng tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại điều lệ quỹ hưu trí;

b) Người lao động tham gia quỹ được sở hữu khoản đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư sau khi trừ đi các chi phí liên quan nếu đáp ứng được các điều kiện tại văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia quỹ hưu trí.

4. Tài khoản hưu trí cá nhân không được sử dụng để:

a) Chuyển nhượng;

b) Cầm cố;

c) Giải quyết thủ tục phá sản của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí, ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký.

5. Quy trình chuyển tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ hưu trí được thực hiện theo phương thức tất toán tài khoản hưu trí cá nhân thành tiền và chuyển toàn bộ khoản tiền này sang tài khoản hưu trí cá nhân tại quỹ hưu trí mới.

#### **Điều 19. Hợp đồng tham gia quỹ hưu trí**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xây dựng 02 mẫu hợp đồng khung để quản lý tài khoản hưu trí cá nhân theo ủy quyền của người sử dụng lao động và người tham gia quỹ, trong đó có một mẫu hợp đồng khung ký với người trực tiếp tham gia quỹ hưu trí và một mẫu hợp đồng khung ký với người sử dụng lao động.

2. Mẫu hợp đồng khung tham gia quỹ hưu trí phải bao gồm những nội dung sau:

a) Tên, mục tiêu và chính sách đầu tư của các quỹ hưu trí;

b) Quyền và trách nhiệm của người tham gia quỹ, người sử dụng lao động và doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

c) Quy trình đăng ký thay đổi thông tin đóng góp, lựa chọn quỹ hưu trí và doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

d) Quy trình đăng ký chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân;

đ) Điều khoản về bảo mật thông tin tài khoản hưu trí cá nhân;

e) Nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động của quỹ hưu trí cho từng tài khoản hưu trí cá nhân;

g) Quy trình và điều kiện ngừng và tạm ngừng tham gia quỹ hưu trí.

## **Điều 20. Đầu tư quỹ hưu trí**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải quy định cụ thể chính sách đầu tư (bao gồm cơ cấu và tiêu chuẩn các tài sản đầu tư) tại điều lệ quỹ theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí quyết định việc đầu tư của quỹ hưu trí theo quy định tại điều lệ quỹ, chính sách đầu tư của quỹ và các quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

3. Các loại tài sản mà quỹ hưu trí được đầu tư bao gồm:

a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại đáp ứng đủ điều kiện quy định về chính sách đầu tư của quỹ tại điều lệ quỹ hưu trí;

b) Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương;

c) Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán theo điều kiện quy định về chính sách đầu tư của quỹ tại điều lệ quỹ hưu trí.

4. Tỷ trọng giá trị đầu tư trái phiếu Chính phủ (bao gồm cả khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) tối thiểu bằng 50% trong tổng giá trị tài sản quỹ hưu trí.

5. Quỹ hưu trí không được gửi tiền tại doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc người có liên quan với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

## **Điều 21. Kế toán quỹ hưu trí**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải thực hiện kế toán quỹ hưu trí bao gồm:

a) Hạch toán toàn bộ hoạt động thu chi của quỹ hưu trí;

b) Xây dựng và cập nhật quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng quỹ hưu trí;

c) Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí;

d) Lập báo cáo tài chính quỹ.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải chịu trách nhiệm đối với người tham gia quỹ về tính chính xác của việc hạch toán, kế toán quỹ hưu trí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có thể tự thực hiện dịch vụ hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán để thực hiện kế toán quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chi phí hoạt động của quỹ hưu trí bao gồm các khoản chi phí cơ bản sau:

a) Chi phí quản lý tài sản trả cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

b) Chi phí lưu ký tài sản quỹ hưu trí trả cho tổ chức lưu ký;

c) Chi phí giám sát quỹ hưu trí trả cho ngân hàng giám sát;

d) Chi phí dịch vụ thuê ngoài (nếu có);

đ) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho người tham gia quỹ; chi phí công bố thông tin của quỹ hưu trí;

e) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

## **Điều 22. Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm:

a) Hạch toán thu chi toàn bộ hoạt động của tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm đóng góp, phân bổ kết quả đầu tư, chi phí hoạt động quỹ hưu trí; chi trả hưu trí;

b) Xây dựng và cập nhật quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư và chi phí hoạt động quỹ hưu trí; xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân;

c) Xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng;

d) Lập và gửi người tham gia quỹ báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải chịu trách nhiệm đối với người tham gia quỹ về tính chính xác của hoạt động cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có thể ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này để thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này phải là một trong các tổ chức sau:

a) Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam;

b) Là doanh nghiệp được phép hoạt động một trong các lĩnh vực ngân hàng, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, kế toán hoặc kiểm toán.

### **Điều 23. Đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện đầu tư không đúng với quy định tại Nghị định này hoặc chính sách đầu tư của quỹ hưu trí quy định tại điều lệ quỹ;

b) Xác định sai giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí;

c) Phân bổ kết quả đầu tư và xác định sai giá trị tài khoản hưu trí cá nhân.

2. Mức đền bù cho người tham gia quỹ được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh cho người tham gia quỹ.

3. Quy trình đền bù cho người tham gia quỹ hưu trí:

a) Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xác định thiệt hại phát sinh đối với người tham gia quỹ;

b) Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thông báo cho ngân hàng giám sát về mức thiệt hại phát sinh đối với người tham gia quỹ;

c) Ngân hàng giám sát kiểm tra, xác nhận giá trị thiệt hại phát sinh trên cơ sở tính toán của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

d) Ngân hàng giám sát và doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thống nhất về giá trị thiệt hại phát sinh đối với người tham gia quỹ hưu trí;

đ) Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thanh toán tiền đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ hưu trí.

4. Ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân chịu trách nhiệm liên đới với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và phải đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ khi xảy ra các thiệt hại do sai sót của từng tổ chức này. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân.

5. Việc bồi thường thiệt hại cho người tham gia quỹ phải được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thuyết minh cụ thể tại báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động quản lý quỹ hưu trí, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ

ảnh hưởng, số lượng người tham gia quỹ bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho người tham gia quỹ, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

### **Mục 3**

## **CHI TRẢ TỪ QUỸ HƯU TRÍ**

#### **Điều 24. Nguyên tắc chi trả từ quỹ hưu trí**

1. Đối tượng được nhận chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm:

a) Người tham gia quỹ;

b) Người sử dụng lao động đóng góp cho người lao động.

2. Số tiền thanh toán từ tài khoản hưu trí cá nhân phụ thuộc vào giá trị tài khoản hưu trí cá nhân và kế hoạch chi trả quy định tại hợp đồng tham gia quỹ hưu trí và văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia quỹ hưu trí.

3. Trong quá trình chi trả, tài khoản hưu trí cá nhân được tiếp tục đầu tư tại quỹ hưu trí theo lựa chọn của người tham gia quỹ.

4. Người tham gia quỹ nhận chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân được lựa chọn nhận chi trả theo chế độ hàng tháng hoặc một lần. Nhà nước khuyến khích chi trả theo chế độ hàng tháng (lương hưu) thông qua chính sách thuế quy định tại Nghị định này và văn bản hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Thời gian nhận chi trả hàng tháng khi người tham gia quỹ đến tuổi nghỉ hưu tối thiểu là 10 năm. Mức chi trả hàng tháng khi đến tuổi về hưu do đối tượng nhận chi trả lựa chọn nhưng tối đa không vượt quá tổng giá trị tài khoản hưu trí cá nhân ở thời điểm nghỉ hưu chia cho 120 tháng. Sau 10 năm, người tham gia quỹ có thể nhận chi trả một lần.

6. Trường hợp mức chi trả hàng tháng được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều này thấp hơn mức lương cơ sở theo quy định hiện hành thì mức chi trả hàng tháng tối đa không vượt quá mức lương cơ sở cho đến khi tất toán tài khoản hưu trí cá nhân.

#### **Điều 25. Chi trả cho người tham gia quỹ**

1. Người tham gia quỹ đăng ký kế hoạch chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí tại hợp đồng tham gia quỹ hưu trí và văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia quỹ hưu trí theo quy định tại điều lệ quỹ hưu trí.



2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí yêu cầu tổ chức lưu ký thanh toán thanh toán tiền cho người tham gia quỹ hưu trí.

3. Trước khi thanh toán tiền cho người tham gia quỹ, tổ chức lưu ký có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Người thừa kế hợp pháp của người tham gia quỹ được thừa hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ trong trường hợp người tham gia quỹ bị chết hoặc mất tích theo quy định về thừa kế của Bộ luật dân sự.

### **Điều 26. Chi trả cho người sử dụng lao động**

1. Người sử dụng lao động được nhận lại phần đóng góp của mình cho người lao động và kết quả đầu tư từ phần đóng góp này sau khi trừ đi chi phí hoạt động của quỹ hưu trí khi người lao động không đáp ứng các điều kiện tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình hưu trí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí yêu cầu tổ chức lưu ký thanh toán tiền cho người sử dụng lao động theo quy định tại điều lệ quỹ hưu trí và văn bản thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia quỹ hưu trí.

## **Mục 4**

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN, HẠCH TOÁN, KẾ TOÁN, CHI PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ QUỸ HƯU TRÍ**

#### **Điều 27. Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí**

1. Trước thời điểm ký hợp đồng tham gia quỹ hưu trí, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải cung cấp tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí cho các đối tượng tham gia quỹ hưu trí quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Tài liệu giới thiệu về các quỹ hưu trí phải bao gồm những nội dung sau:

a) Điều lệ quỹ theo quy định tại Điều 14 Nghị định này;

b) Nêu rõ người tham gia quỹ hưu trí trên cơ sở tự nguyện và chấp nhận rủi ro trong đầu tư quỹ hưu trí theo mục tiêu và chính sách đầu tư quy định tại điều lệ quỹ. Chế độ chi trả hưu trí phụ thuộc vào giá trị đóng góp tích lũy và kết quả đầu tư quỹ hưu trí sau khi trừ đi các chi phí liên quan phân bổ cho từng tài khoản hưu trí;

c) Thuyết minh rõ cho người tham gia quỹ các quyền và trách nhiệm của người tham gia quỹ;

d) Các chi phí liên quan phân bổ cho từng tài khoản hưu trí của người tham gia quỹ;

đ) Kết quả đầu tư của quỹ trong 03 năm liền kề trước đó (nếu có);

e) Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí phải chính xác, khách quan, đầy đủ, trung thực, phù hợp với chương trình hưu trí và được trình bày rõ ràng, dễ hiểu.

### **Điều 28. Báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân**

1. Hàng tháng, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải lập báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm những nội dung sau:

a) Số tiền đóng góp vào tài khoản hưu trí cá nhân trong tháng và lũy kế đến thời điểm lập báo cáo;

b) Kết quả phân bổ đầu tư đến tài khoản hưu trí cá nhân trong tháng và lũy kế đến thời điểm lập báo cáo;

c) Chi phí thanh toán từ tài khoản hưu trí cá nhân trong tháng và lũy kế đến thời điểm lập báo cáo;

d) Giá trị tích lũy của tài khoản hưu trí cá nhân tại thời điểm đầu kỳ báo cáo và thời điểm lập báo cáo.

2. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc tháng, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải gửi báo cáo về tài khoản hưu trí cá nhân cho người tham gia quỹ.

### **Điều 29. Cung cấp tài liệu, thông tin cho người tham gia quỹ**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải duy trì và cập nhật thường xuyên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp về thông tin cơ bản của mỗi quỹ hưu trí do doanh nghiệp quản lý, cụ thể bao gồm:

a) Điều lệ quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 14 Nghị định này;

b) Bản cáo bạch; báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;

c) Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ hưu trí, bán niên và cả năm;

d) Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ hưu trí bán niên và cả năm;

đ) Báo cáo về hoạt động của quỹ hưu trí bán niên và cả năm;

e) Tổng hợp kết quả đầu tư trong 05 năm liền kề trước đó (nếu có).

2. Người tham gia quỹ được quyền truy cập thông tin về tài khoản hưu trí cá nhân tại trang thông tin điện tử của tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

### **Điều 30. Hạch toán kế toán, kiểm toán**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải thực hiện chế độ hạch toán, kế toán báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải được kiểm toán độc lập.

### **Điều 31. Các loại chi phí thanh toán từ tài khoản hưu trí cá nhân**

1. Tài khoản hưu trí cá nhân phải thanh toán các loại chi phí sau:

- a) Chi phí quản lý tài khoản hưu trí cá nhân;
- b) Chi phí lưu ký, giám sát, kiểm toán;
- c) Chi phí quản trị quỹ;

d) Chi phí chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ hưu trí tại cùng một doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác;

đ) Các loại chi phí khác theo quy định tại điều lệ quỹ và hợp đồng tham gia quỹ hưu trí.

2. Nguyên tắc xác định các chi phí nêu tại khoản 1 Điều này phải được quy định tại điều lệ quỹ và hợp đồng tham gia quỹ hưu trí.

### **Điều 32. Chế độ báo cáo của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí**

1. Định kỳ hàng năm, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kết quả hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất 03 tháng sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

b) Kỳ báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm;

c) Nội dung báo cáo:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập;
- Báo cáo hoạt động quản lý quỹ hưu trí, báo cáo quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

d) Nơi nhận báo cáo: Bộ Tài chính; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có trách nhiệm báo cáo đột xuất theo quy định tại Điều 40 Nghị định này hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

### **Điều 33. Chế độ báo cáo của ngân hàng giám sát**

1. Định kỳ hàng năm, ngân hàng giám sát có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, cụ thể như sau:

a) Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất 03 tháng sau khi kết thúc kỳ báo cáo;

b) Kỳ báo cáo: Báo cáo kết quả giám sát quỹ hưu trí từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm;

c) Nội dung báo cáo:

- Đánh giá kết quả thực hiện kiểm tra và giám sát theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị định này;

- Các vi phạm (nếu có) của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan và kiến nghị hướng giải quyết, khắc phục.

d) Nơi nhận báo cáo: Bộ Tài chính; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ hưu trí, ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Bộ Tài chính và thông báo cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm, đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả trong thời hạn quy định.

3. Ngoài các trường hợp báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, trong trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính có quyền yêu cầu ngân hàng giám sát báo cáo bất thường về việc giám sát quỹ hưu trí. Ngân hàng giám sát phải báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo này.

## **Chương III**

### **DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ QUỸ HƯU TRÍ TỰ NGUYỆN**

#### **Điều 34. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Là doanh nghiệp thành lập hợp pháp tại Việt Nam được phép hoạt động trong các lĩnh vực: Bảo hiểm nhân thọ, quản lý quỹ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ phải đủ điều kiện triển khai sản phẩm bảo hiểm hưu trí theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm hưu trí;

b) Đối với công ty quản lý quỹ phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý quỹ; tổng giá trị tài sản quản lý tối thiểu là 1.000 tỷ đồng, đang hoạt động quản lý quỹ mở hoặc quỹ trái phiếu.

2. Không phải là tổ chức nằm trong diện đang được tái cơ cấu hoặc bị kiểm soát, giám sát đặc biệt theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Có dự thảo điều lệ quỹ đối với mỗi quỹ hưu trí dự kiến thành lập đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 14 Nghị định này.

4. Có hợp đồng nguyên tắc ký kết với các tổ chức cung cấp dịch vụ sau:

a) Tổ chức lưu ký tài sản quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;

b) Ngân hàng giám sát hoạt động quản lý quỹ hưu trí và quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

5. Có phương án kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Kế hoạch và chiến lược hoạt động quản lý quỹ hưu trí trong 05 năm tiếp theo;

b) Dự kiến doanh thu và chi phí trong 05 năm tiếp theo;

c) Phương án về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để quản lý từng tài khoản hưu trí cá nhân đảm bảo thực hiện các hoạt động đóng góp, đầu tư, thanh toán chi phí, thuế, tiền phạt và chi trả các đối tượng liên quan;

d) Có mẫu hợp đồng khung về tham gia quỹ hưu trí đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định này.

6. Có tối thiểu 05 người lao động có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc quản lý quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm. Trong đó phải có tối thiểu 03 nhân viên nghiệp vụ có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp hoặc là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA).

7. Có quy trình quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ.

### **Điều 35. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (thông tin về mã số doanh nghiệp).

2. Bản sao Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành (Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao không có chứng thực xuất trình cùng bản chính để đối chiếu).

3. Bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát.

4. Phương án kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ:

a) Kế hoạch và chiến lược hoạt động quản lý quỹ hưu trí;

b) Dự kiến doanh thu và chi phí trong 05 năm tiếp theo;

c) Phương án về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để quản lý từng tài khoản hưu trí cá nhân đảm bảo thực hiện các hoạt động đóng góp, đầu tư, thanh toán chi phí, chi trả cho người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, thanh toán thuê thu nhập cá nhân;

d) Mẫu hợp đồng khung về tham gia quỹ hưu trí đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định này.

5. Tài liệu chứng minh có tối thiểu 05 người lao động đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 34 Nghị định này, bao gồm các tài liệu cơ bản sau:

a) Bản sao hợp đồng lao động (Bản sao có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản sao không có chứng thực xuất trình cùng bản chính để đối chiếu);

b) Sơ yếu lý lịch của người lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (nêu rõ quá trình công tác và các chứng chỉ, bằng cấp nếu có);

c) Bản sao các chứng chỉ theo quy định tại khoản 6 Điều 34 Nghị định này.

6. Quy trình quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ.

### **Điều 36. Quy trình thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 35 Nghị định này đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu (nếu có) và gửi 02 bộ hồ sơ chính thức để thẩm định.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và các đơn vị có liên quan thẩm định, xem xét hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

4. Nội dung thẩm định hồ sơ theo các điều kiện quy định tại Điều 34 Nghị định này.

### **Điều 37. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có những nội dung cơ bản sau:

- a) Tên doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;
- b) Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;
- c) Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d) Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;
- đ) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;
- e) Nội dung và phạm vi hoạt động.

2. Trường hợp cấp lại hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thì ghi rõ số lần cấp lại hoặc số lần điều chỉnh và sử dụng số chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được cấp lần đầu cho doanh nghiệp.

### **Điều 38. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cấp lại trong những trường hợp sau:

- a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng;
- b) Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) và tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 34 Nghị định này.

2. Quy trình, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

- a) Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh gồm:
  - Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (trừ trường hợp bị mất);
  - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.
- b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.



3. Quy trình, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

- Hồ sơ chứng minh doanh nghiệp tiếp tục đáp ứng đủ các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 34 Nghị định này bao gồm các văn bản, tài liệu quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 35 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, xem xét hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

#### **Điều 39. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 37 Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh;

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã được cấp lần gần nhất;

c) Tài liệu chứng minh nội dung đề nghị điều chỉnh.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, xem xét hồ sơ để điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Trong trường hợp từ chối, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

#### **Điều 40. Những thay đổi phải thông báo cho Bộ Tài chính**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về những nội dung sau đây, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí phải thông báo bằng văn bản đến Bộ Tài chính:

1. Thuộc diện tái cơ cấu hoặc kiểm soát, giám sát đặc biệt.
2. Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí.
3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm hoặc quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
4. Thay đổi về tổ chức lưu ký.
5. Thay đổi về ngân hàng giám sát.

#### **Điều 41. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh**

1. Doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị giải thể, phá sản hoặc tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm hoặc quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2. Quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh:

- a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tự động bị hết hiệu lực đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Bộ Tài chính ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính về quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp phải chấm dứt ngay các hoạt động quản lý quỹ hưu trí kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tự động bị hết hiệu lực.

4. Trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, Bộ Tài chính chỉ định một doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác tiếp nhận việc quản lý các quỹ hưu trí đang quản lý bởi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp được chỉ định phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí và đang thực hiện quản lý tối thiểu 01 quỹ hưu trí.

5. Người tham gia quỹ được lựa chọn tiếp tục tham gia quỹ hưu trí được quản lý bởi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo chỉ định của Bộ Tài chính hoặc yêu cầu chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang quỹ hưu trí quản lý bởi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác.

**Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí**

1. Quyền của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí:

- a) Quyết định về số lượng quỹ hưu trí và chính sách đầu tư quỹ hưu trí;
- b) Ký hợp đồng quản lý quỹ hưu trí;
- c) Lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan;
- d) Quyết định việc đầu tư của quỹ hưu trí theo quy định tại điều lệ quỹ và các quy định tại Nghị định này.

2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí:

- a) Thành lập, đầu tư và quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại Nghị định này;
- b) Xây dựng và ban hành điều lệ quỹ hưu trí đối với mỗi quỹ được thành lập;
- c) Lựa chọn và ký hợp đồng với tổ chức lưu ký, ngân hàng giám sát;
- d) Quyết định việc đầu tư của quỹ hưu trí theo quy định tại điều lệ quỹ và quy định tại Nghị định này;
- đ) Thực hiện kế toán quỹ hưu trí hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán quỹ hưu trí cá nhân theo quy định tại Nghị định này;
- e) Thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại Nghị định này;
- g) Chuyển tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ hưu trí quản lý bởi doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và chuyển sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác theo quy định tại Nghị định này;
- h) Thực hiện công bố thông tin, hạch toán, kế toán và báo cáo theo quy định tại Nghị định này;

i) Đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

#### **Chương IV** **KIỂM TRA, THANH TRA VÀ** **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

##### **Điều 43. Kiểm tra, thanh tra**

1. Công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện theo phương pháp định kỳ hoặc đột xuất. Việc kiểm tra, thanh tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao. Việc kiểm tra, thanh tra định kỳ thực hiện không quá 01 lần trong năm đối với một doanh nghiệp.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ 05 năm một lần về việc tuân thủ các quy định về cung cấp dịch vụ quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

3. Nội dung kiểm tra, thanh tra bao gồm xem xét khả năng tiếp tục duy trì hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và việc tuân thủ đầy đủ các quy định về cung cấp dịch vụ quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại Nghị định này.

4. Việc kiểm tra, thanh tra thực hiện nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

##### **Điều 44. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1. Hướng dẫn chính sách thuế đối với chương trình hưu trí tự nguyện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 và chế độ báo cáo đối với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Nghị định này.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định này.

4. Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí thông qua chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định này.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ hoạt động của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định của Nghị định này định kỳ 05 năm một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu của công tác quản lý theo quy định tại Điều 43 Nghị định này.

#### **Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, theo dõi, đánh giá việc tham gia quỹ hưu trí của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định này.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Nghị định này.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

5. Phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ hoạt động của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định của Nghị định này định kỳ 05 năm một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu của công tác quản lý theo quy định tại Điều 43 Nghị định này.

#### **Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Tham gia phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến đối với việc cấp, cấp lại, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ hoạt động của doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định của Nghị định này định kỳ 05 năm một lần hoặc đột xuất theo yêu cầu của công tác quản lý theo quy định tại Điều 43 Nghị định này.

### **Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 47. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

### Điều 48. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3). *xh 025*

TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc



**Phụ lục**

theo Nghị định số 88/2016/NĐ-CP  
ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện hoặc, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện
Mẫu số 03	Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện

www.LuatVietnam.vn



TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..., ngày... tháng... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh  
dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện  
hoặc,****Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh  
dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện***(đối với trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện bị  
chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu và tiếp tục  
đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Nghị định ...../...../ND-CP  
ngày ...../...../.... của Chính phủ quy định về quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện)*

Kính gửi: Bộ Tài chính.

**Phần I. Thông tin về doanh nghiệp**

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

.....

3. Mã số doanh nghiệp: .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

.....

do ..... (tên cơ quan cấp)  
cấp ngày..... tháng..... năm..... tại .....

5. Các lĩnh vực đăng ký kinh doanh:

.....

6. Vốn điều lệ: .....

7. Vốn điều lệ thực góp: .....

8. Điện thoại: ..... Fax: .....

9. Trang thông tin điện tử : .....

10. E-mail: .....

11. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Chức vụ: .....

Hợp đồng lao động số: .....

Quốc tịch ..... Sinh ngày: ...../...../.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số: ..... cấp ngày: ...../...../.....

tại .....

Bằng cấp: .....

Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc:.....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

12. 05 người lao động đáp ứng điều kiện có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực quản lý quỹ hưu trí, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc quản lý quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm

(1) Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Chức vụ: .....

Hợp đồng lao động số: .....

Quốc tịch ..... Sinh ngày: ...../...../.....

Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày: ...../...../.....

tại .....

Bằng cấp: .....

Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc:

Điện thoại: ..... E-mail: .....

(2).....

(3).....

(4).....

(5).....

## **Phần II. Nội dung đề nghị và hồ sơ kèm theo**

1. (Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Tài chính cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo quy định tại Nghị định số ...../...../NĐ-CP ngày ...../...../..... của Chính phủ quy định về quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện

2. Hồ sơ kèm theo gồm có:

- .....
- .....
- .....

## **Phần III. Doanh nghiệp cam kết**

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

2. Nếu được cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện, (tên doanh nghiệp) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)*

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ....

..., ngày... tháng... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp lại Giấy chứng nhận****đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện  
(đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hư hỏng)**

Kính gửi: Bộ Tài chính.

1. Tên doanh nghiệp:.....
- Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):.....
- Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....
- Địa chỉ trụ sở chính:..... Số điện thoại:.....
- số fax:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....  
(tên cơ quan cấp).....cấp ngày.....tháng.....năm.....
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí  
bổ sung tự nguyện số..... cấp lần đầu ngày ..... tháng..... năm..... (điều  
chỉnh lần thứ ..... ngày .....tháng..... năm.....).

Đề nghị Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh  
dịch vụ quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện cho .....(tên  
doanh nghiệp) thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quỹ  
hưu trí bổ sung tự nguyện số.....cấp..... ngày.....tháng.....năm .....

2. Lý do đề nghị cấp lại: .....
3. Hồ sơ kèm theo gồm có: .....
4. Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung  
trong đơn và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)*

TÊN DOANH NGHIỆP \_\_\_\_\_ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ....

..., ngày... tháng... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Điều chỉnh Giấy chứng nhận**  
**đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện**

Kính gửi: Bộ Tài chính.

1. Tên doanh nghiệp:.....  
 - Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có): .....  
 - Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....  
 - Địa chỉ trụ sở chính:..... Số điện thoại:.....  
 số fax:.....  
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.....do.....(tên cơ quan cấp)...cấp ngày...tháng...năm...  
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số..... cấp lần đầu ngày .... tháng... năm..... (điều chỉnh lần thứ ..... ngày ...tháng... năm..... ).

Đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện cho..... (tên doanh nghiệp) trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số ..... cấp..... ngày..... tháng..... năm .....

2. Nội dung đề nghị điều chỉnh

(Tên doanh nghiệp) đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện theo các nội dung sau: .....

Lý do đề nghị điều chỉnh: .....

3. Hồ sơ kèm theo gồm có:.....

4. Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung trong đơn và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo đơn này./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)